

Bản án số: 350/2019/HSST
Ngày: 17-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hồng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Triều
2. Ông Trần Trung Tính

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Trọng Hưng - Thư ký
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Lê - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 434/2019/TLST-HS, ngày 12/8/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3919/2019/QĐXXST-HS ngày 28/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7149/2019/HSST-QĐ ngày 11/9/2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Minh N (tên gọi khác: “Nô”); giới tính: nam; sinh năm: 1994, tại Cần Thơ; thường trú: Ấp TP1, phường TH, quận TN, Thành phố Cần Thơ; chỗ ở trước khi bị bắt: A10/26T NCP, xã TK, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: không; Con ông Lê Văn Ê - sinh năm: 1944 và bà Nguyễn Thị Th - sinh năm: 1962; Bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: không; tiền án: không.

Về nhân thân: Theo Bản án số 18/2014/HSST, ngày 12/10/2014 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 24/11/2017. (Có mặt tại phiên tòa)

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Minh N: Bà Trần Thị Hồng V, luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Trần Thị Hồng V và Cộng sự, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Lê Hồng Q (tên gọi khác: không); giới tính: nam; sinh năm: 1980, tại HP; thường trú: 13/19/267 HK, phường HK, quận LC, thành phố HP; chỗ ở

trước khi bị bắt: Tổ 15, ấp TY, xã TK, huyện V, tỉnh Long An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: không; Con ông Lê Văn C - sinh năm: 1957 và bà Dương Thị H - sinh năm: 1959; Bị cáo có vợ là Bùi Thị Thanh X- sinh năm: 1978 và có 02 con là Lê Bích D - sinh năm: 2001 và Lê Ngọc Thủy T - sinh năm: 2015; tiền sự: không; tiền án: không.

Nhân thân: Ngày 14/01/2013, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù giam về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”, ngày 11/12/2013 chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 23/11/2017. (Có mặt tại phiên tòa)

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Hồng Q: Bà Lê Nguyễn Quỳnh T, luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Quỳnh T, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên tòa)

3. Nguyễn Thị Hồng P (tên gọi khác: không); giới tính: nữ; sinh năm: 1987, tại tỉnh Tây Ninh; thường trú: Ấp Tth, xã TH, huyện HT, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở trước khi bị bắt: 17/7 ấp 1, xã TQT, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: không; Con ông (chưa xác định rõ họ tên cha bị cáo) và bà Huỳnh Thị K - sinh năm: 1950; Bị cáo có chồng là Đoàn Quốc Đ - sinh năm: 1985 (đã ly hôn) và có 01 người con là Đoàn Quốc K - sinh năm: 2012; tiền sự: không; tiền án: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 24/11/2017. (Có mặt tại phiên tòa)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Hoàng Đình T - sinh năm: 1987;

Trú tại: 10/239 LL, phường LL, quận Ngô Quyền, thành phố HP; (Vắng mặt tại phiên tòa)

2/ Ông Nguyễn Văn T - Sinh năm: 1998;

Trú tại: 360C/29 BVĐ, Phường Q, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt tại phiên tòa)

3/ Bà Khuru Thị Ngọc Th - Sinh năm 1981;

Trú tại: 584 ADV, Phường Q1, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt tại phiên tòa)

4/ Bà Nguyễn Thị M;

Đăng ký thường trú: Tổ 9, khóm 7, thị trấn SĐ, huyện TV, tỉnh Cà Mau. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ, ngày 23/11/2017, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận M phát hiện Lê Hồng Q đang dừng xe ô tô tại trước chung cư Ehome 3 số 103 HHL, phường AL, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh có biểu hiện nghi vấn. Qua kiểm tra trong người của Q, thu trong người của Q 01 gói nylon chứa tinh thể không màu và 01 gói nylon chứa tinh thể không màu để trong vỏ bao thuốc lá Caraven. Kết quả giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 52,1815 gam, loại Methamphetamine (MA). Tiếp tục kiểm tra trong xe ô tô Biển số 15A-060.25, thu giữ 03 gói nylon chứa tinh thể không màu để trong túi xách đặt trên ghế phụ, 01 gói nylon chứa tinh thể không màu đựng trong vỏ bao thuốc lá Caraven ở hộc cửa xe bên trái, phía trước. Qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 114,4424 gam, loại MA. Lê Hồng Q mua số ma túy này của A Lý và Lê Minh N ngụ tại xã TK, huyện Z.

Từ lời khai của Lê Hồng Q; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận M khám xét nhà số A10/26T NCP, ấp 1, xã TK, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh và tại thời điểm kiểm tra Lê Minh N, Nguyễn Thị Hồng P có mặt tại nhà. Kết quả khám xét như sau:

- Khám xét tại phòng của Lê Minh N thu giữ: 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, là ma túy ở thể rắn có khối lượng 49,4773g, loại MA.

- Khám xét phòng thứ 2 từ ngoài cửa đi vào, căn phòng có khóa cửa, thu giữ:

- + 01 bình nhựa màu đỏ chứa chất lỏng, có thể tích 110ml, loại MA, nồng độ 24,94 mg/ml (trong 110ml có 2743,4mg MA); 01 bình nhựa màu vàng chứa chất lỏng, có thể tích 105ml, loại MA, nồng độ 218,29 mg/ml (trong 105ml có 22920,45mg MA); 02 gói nylon chứa tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 40,2626 gam, loại MA; 01 thau nhựa màu đỏ chứa tinh thể không màu, là ma túy ở thể rắn có khối lượng 157,3500 gam loại MA. Tổng khối lượng ma túy ở thể rắn là 223,2764 gam, loại MA;

- + 02 bình nhựa màu trắng chứa chất lỏng, có thể tích 1400ml, kết quả giám định không tìm thấy ma túy; 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, có khối lượng 993,5800 gam, không tìm thấy ma túy; 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, có khối lượng 7600 gam, không tìm thấy ma túy.

Tất cả ma túy thu giữ của các bị cáo trong vụ án đã được giám định kết quả thể hiện tại Kết luận giám định số 28/KLGD-H, số 29/KLGD-H, số 30/KLGD-H ngày 11/12/2017 và số 11/KLGD-H ngày 29/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 24/11/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận M bắt khẩn cấp Lê Minh N và Nguyễn Thị Hồng P.

Tại Cơ quan điều tra Lê Hồng Q, Lê Minh N và Nguyễn Thị Hồng P đã khai nhận như sau:

Khoảng hai tháng trước khi bị bắt, Lê Hồng Q quen A Lý (không rõ lịch), biết A Lý có mua bán ma túy loại MA nên A Lý đồng ý cho Q lấy ma túy về bán

trước rồi trả tiền sau. Cách ngày bị bắt khoảng một tuần Q đặt mua 10.000.000 đồng ma túy, lúc này A Lý nói Q đến nhà A Lý lấy ma túy tại địa chỉ A10/26T NCP, xã TK, huyện Z. Tại đây Lê Minh N là người giao ma túy cho Q nhưng do ma túy kém chất lượng không bán được nên chiều cùng ngày Q liên lạc với A Lý để trả số ma túy. Thấy vậy A Lý nói Q lấy thêm 40.000.000 đồng ma túy để bán thử, sau đó Q quay lại nhà A Lý và được A Lý giao 166,6239 gam MA. Q về nhà chia ma túy ra thành 06 gói, mỗi gói khoảng 25 gam rồi giấu trong người và trong xe ô tô của Q. Ngày 23/11/2017, Công an bắt quả tang khi Q đang trên đường đi bán ma túy.

Lê Minh N khai trước khi bị bắt khoảng một tháng, N đến làm thuê cho A Lý tại nhà A10/26T NCP, xã TK, huyện Z. Nhiệm vụ của N là trông nhà cho A Lý, thời gian này A Lý có nhờ N giao ma túy cho người mua và nhận được tiền công 500.000 đồng, thỉnh thoảng A Lý cho ma túy để N sử dụng. Tổng cộng N đã giao được ba lần, lần đầu N cầm một gói ma túy không rõ số lượng, đựng trong gói cà phê đến ngã ba Hưng Nhơn - NCP, xã TK giao cho một người phụ nữ (không rõ lai lịch). Lần hai A Lý dặn N giao cho Lê Hồng Q, khi Q đến lấy thì ma túy để ở cửa sổ nhà A10/26T NCP, xã TK huyện, Bình Chánh Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên đến chiều cùng ngày, Q đem ma túy trả lại cho N để đưa lại cho A Lý vì ma túy kém chất lượng. Chiều ngày 23/11/2017, sau khi A Lý nói Nguyễn Thị Hồng P điện thoại cho N về lấy ma túy giao cho khách và dặn “chút có người đến lấy thì giao”. Khi Công an đến kiểm tra, N đang sử dụng ma túy trong phòng và qua kiểm tra thu giữ của N gói ma túy có khối lượng 49,4773 gam, loại MA mà P mới đưa.

Nguyễn Thị Hồng P khai thông qua bạn bè xã hội, P có mượn 11.000.000 đồng của A Lý (không rõ lai lịch), sau đó A Lý thuê P về giúp việc nhà cho A Lý với tiền công 6.000.000 đồng/tháng. Sau khi làm việc được khoảng 15 ngày, P bắt đầu giúp A Lý mua bán ma túy để A Lý trừ nợ cho P, A Lý cũng cho ma túy để P sử dụng. P có nhiệm vụ mở cửa và canh cửa cho người nghiện đến nhà mua ma túy. Trưa ngày 23/11/2017, A Lý điện thoại nói với P “có người phụ nữ đến giao ma túy thì nhận rồi đưa cho N để N giao cho người mua”, lúc này P điện thoại cho N như lời dặn của A Lý. Khi N về nhà, P giao gói ma túy cho N qua cửa sổ, sau đó Công an đến kiểm tra và khám xét như đã nêu trên.

Kết quả xác minh căn nhà A10/26T NCP, xã TK, huyện Z do Nguyễn Minh Hưng là chủ sở hữu. Căn nhà này Hưng cho vợ chồng Hải và Thảo (không rõ lai lịch) thuê nhưng không làm hợp đồng, hàng tháng đến trả tiền. Anh Hưng không biết ai là A Lý, qua nhận dạng anh Hưng không quen biết Lê Hồng Q, Nguyễn Thị Hồng P và Lê Minh N; tất cả các bị cáo đều không đăng ký lưu trú tại đây. Do các bị cáo khai không rõ nhân thân lai lịch của A Lý nên Cơ quan điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh không có cơ sở để điều tra và xử lý.

*** Vật chứng của vụ án:**

1. Thu giữ của Lê Hồng Q:

- 02 gói ma túy còn lại sau giám định đã được niêm phong ghi số 30/2018 (gói 1, gói 2) có chữ kí của Giám định viên Lê Thị Hằng và Điều tra viên Đinh Xuân Phùng;

- 01 điện thoại hiệu Iphone, 01 điện thoại hiệu BMW, 01 điện thoại hiệu Mobistar;

- 01 túi xách màu đen, 02 vỏ bao thuốc là CRAVEN; 01 bình sử dụng ma túy.

- Xe ô tô hiệu Haima Biển số 15A-060.25. Kết quả điều tra, xe này do chị Nguyễn Diệu Anh (Sinh năm: 1992; Hộ khẩu thường trú: 126 Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng, Thành phố HP) đứng tên sở hữu, sau đó bán cho anh Hoàng Đình T. Tháng 9/2017 anh Toàn cho vợ chồng Q thuê để làm phương tiện đi lại. Ngày 23/11/2017, Lê Hồng Q cất giấu ma túy trong xe để bán thì bị Công an tạm giữ.

2. Thu giữ của Lê Minh N:

- 01 gói ma túy còn lại sau giám định đã được niêm phong, ghi số 29/2018 có chữ kí của Giám định viên Lê Thị Hằng và Điều tra viên Đinh Xuân Phùng;

- 01 điện thoại hiệu Mobistar, 01 điện thoại hiệu Philips;

- 01 bình sử dụng ma túy;

- Xe gắn máy hiệu Airblade Biển số 59H1-186.53, qua xác minh do anh Nguyễn Văn T đứng tên chủ sở hữu và sử dụng. Ngày 12/11/2017, xe bị mất trộm, anh Tài đến Công an Phường Q, Quận C trình báo. Ngày 05/02/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận C khởi tố vụ án “Trộm cắp tài sản”. Lê Minh N khai A Lý giao cho N nhưng N không rõ nguồn gốc của xe này. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh bàn giao xe cho Công an Quận C xử lý theo thẩm quyền;

- Xe gắn máy BS: 69S1-0632, kết quả giám định số khung, số máy bị mài đục sâu không xác định được số khung, số máy nguyên thủy. Kết quả xác minh biển số 69S1-0632 được biết do anh Trần Thanh Hải đứng tên sở hữu, năm 2012 anh Hải chết vì tai nạn giao thông. Hiện nay gia đình đã bán nhà đi đâu, địa phương không rõ nên không tiến hành lấy được lời khai. N khai được A Lý giao xe làm phương tiện đi lại nhưng N không rõ nguồn gốc của xe. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã đăng báo để truy tìm chủ sở hữu hợp pháp theo quy định của pháp luật;

3. Thu giữ của Nguyễn Thị Hồng P: 02 điện thoại hiệu Mobistar;

4. Thu giữ trong phòng thứ hai trong nhà (phòng của A Lý): 02 gói ma túy còn lại sau giám định đã được niêm phong ghi số 28/2018 (gói 1, gói 2) có chữ kí của Giám định viên Lê Thị Hằng và Điều tra viên Đinh Xuân Phùng;

- 02 cân điện tử, 01 máy ép túi nylon, 01 đầu thu camera hiệu VP TECH, 01 màn hình máy tính hiệu DELL; Khoảng 02 kg bịch nylon các loại và vỏ túi cà phê;

Tại bản Cáo trạng số 513/CT-VKS-P1 ngày 28/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Lê Minh N về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e, khoản 4 Điều 194; truy tố Nguyễn Thị Hồng P

và Lê Hồng Q về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e, khoản 3 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngày 14/01/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi nghiên cứu vụ án đã quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung các vấn đề về sự liên quan giữa các bị cáo và đối tượng tên A Lý, cũng như làm rõ khối lượng ma túy được xác định làm căn cứ định tội đối với các bị cáo.

Ngày 11/7/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định tách vụ án hình sự số 758-13 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” đối với khối lượng 223,2765 gam loại MA và toàn bộ dụng cụ phân chia ma túy mà Công an thu giữ trong phòng thứ hai từ ngoài cửa đi vào tại nhà A10/26T NCP, xã TK, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự số 758-11 ngày 23/7/2019 đối với vụ án, khi nào xác định được đối tượng phạm tội sẽ phục hồi, xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 293/CTr-VKS-P1 ngày 24/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Lê Minh N và Lê Hồng Q về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 3 Điều 194; truy tố Nguyễn Thị Hồng P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm m khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, các bị cáo Lê Hồng Q và Nguyễn Thị Hồng P đều khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Riêng bị cáo N khai rằng chỉ giao cho Q số ma túy tương đương 10.000.000 đồng mà A Lý đưa chứ không xác định được trọng lượng là bao nhiêu, đồng thời không xác nhận đã giao cho Q số ma túy ở thể rắn có khối lượng là 166,6239 gam MA, đồng thời bị cáo khai nhận như cáo trạng về số ma túy có khối lượng là 49,4773 gam, loại MA mà P đưa để đi bán thì bị bắt quả tang. Ngoài ra, bị cáo Lê Hồng Q khai khi đến nhà A10/26T NCP, xã TK, huyện Z để trả ma túy kém chất lượng và nhận số ma túy khối lượng là 166,6239 gam MA cùng ở của số phòng phía trước nhà, thì lúc này trong nhà chỉ có P và N và không có A Lý ở nhà, khi Q nói chuyện với P và khi đi ra thì Q đã thấy gói ma túy khối lượng là 166,6239 gam MA tương đương giá trị 50.000.000 đồng và Q đã lấy gói ma túy này, sau đó Q đem về chia ra thành 06 gói, đến ngày 23/11/2017 thì Q bị bắt quả tang khi đang trên đường đi bán ma túy và bị thu giữ số lượng như cáo trạng đã nêu.

* Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh sau khi nêu lại nội dung vụ án, phân tích tính chất và hậu quả của vụ án, trên cơ sở các chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa cũng như toàn bộ lời khai của các bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi nêu các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đã giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo, đồng thời đề nghị như sau:

Tuyên bố các bị cáo Lê Minh N, Lê Hồng Q và Nguyễn Thị Hồng P phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm e khoản 3 và khoản 5 Điều 194 của Bộ luật hình sự 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, để xử phạt bị cáo Lê Minh N từ 16 đến 18 năm tù; đồng thời buộc bị cáo phải nộp phạt bổ sung số tiền là 20.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

- Áp dụng điểm e khoản 3 và khoản 5 Điều 194 của Bộ luật hình sự 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, để xử phạt bị cáo Lê Hồng Q từ 15 đến 16 năm tù; đồng thời buộc bị cáo phải nộp phạt bổ sung số tiền là 20.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

- Áp dụng điểm m khoản 2 và khoản 5 Điều 194 của Bộ luật hình sự 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, để xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng P từ 07 đến 08 năm tù; đồng thời buộc bị cáo phải nộp phạt bổ sung số tiền là 10.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị xử lý vật chứng và nghĩa vụ nộp án phí của bị cáo theo quy định của pháp luật.

* Bị cáo Lê Hồng Q không tranh luận và nhờ luật sư bào chữa.

* Tại phiên tòa, luật sư Lê Nguyễn Quỳnh T bào chữa cho bị cáo Lê Hồng Q phát biểu: Luật sư thống nhất về tội danh mà cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Q về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Song, luật sư đề nghị xem xét tình tiết: Khi bị cáo bị bắt quả tang thì nội dung biên bản thể hiện bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy, mà bị cáo khai nhận nhằm mục đích mua bán, nhưng không xác định là bán cho ai, điều này thể hiện bị cáo Q đã rất thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Mặt khác, số ma túy bị cáo mua đã bị thu giữ chưa phát tán ra ngoài xã hội cũng đã phần nào hạn chế tác hại và bị cáo cũng chưa có thu lợi bất chính, bản thân bị cáo có con nhỏ, có hoàn cảnh gia đình khó khăn theo các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, từ đó đề nghị giảm nhẹ hình phạt chính, cũng như hình phạt bổ sung cho bị cáo Q dưới mức thấp nhất của khung hình phạt chính và hình phạt bổ sung mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

* Bị cáo Lê Minh N không tranh luận và nhờ luật sư bào chữa.

* Tại phiên tòa, luật sư Trần Thị Hồng V bào chữa cho bị cáo Lê Minh N phát biểu: Về hành vi bị cáo N mua bán ma túy khối lượng là 49,4773 gam, loại MA như Cáo trạng đã nêu thì đã phù hợp với lời khai của bị cáo, cũng vật chứng khi thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ là phù hợp với nhau nên luật sư không tranh luận. Riêng về khối lượng ma túy 166,6239 gam, loại MA thì xuyên suốt quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, chỉ có căn cứ thể hiện đã thu giữ của bị cáo Q, các lời khai của Q trong hồ sơ có nhiều bút lục thể hiện A Lý là người giao ma túy cho Q, sau đó Q đem về chia ra thành 06 gói, đến ngày 23/11/2017 thì Q bị bắt quả tang khi đang trên đường đi bán ma túy. Ngoài ra,

trong các lời khai của Q trong hồ sơ đã thể hiện Q khi vào nhà A10/26T NCP, xã TK, huyện Z thì Q để gói ma túy kém chất lượng trị giá 10.000.000 đồng trên cửa sổ rồi nói chuyện với N và P, khi quay trở ra thì có người đã đổi sẵn bạch ma túy có giá trị 50.000.000 đồng trên cửa sổ, nên N không thể là người giao ma túy cho Q trong trường hợp này. Do đó, không có cơ sở để kết luận N là người đã bán cho Q khối lượng ma túy 166,6239 gam, loại MA, nên cáo trạng truy tố N đối với khối lượng ma túy này là chưa thuyết phục. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm m khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 để cho bị cáo N được hưởng mức án thấp trong khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục riêng, ngăn ngừa chung.

* Bị cáo Nguyễn Thị Hồng P không tranh luận về tội danh, nhưng về mức hình phạt thì bị cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu nội dung đối đáp:

Về lời bào chữa của luật sư Thi bào chữa cho bị cáo Q cơ bản là phù hợp như nội dung cáo trạng và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt chính và hình phạt bổ sung cho bị cáo nên không có vấn đề mâu thuẫn, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã đề nghị đối với bị cáo Q.

Về lời bào chữa của luật sư Việt cho bị cáo N, tại phiên tòa thể hiện bị cáo N cũng đã công nhận 03 lần bán ma túy như cáo trạng đã nêu, các lần bị cáo N bán ma túy chỉ thể hiện số tiền, còn khối lượng là bao nhiêu thì bị cáo N không xác định được. Mặt khác bị cáo Q khai và đã làm rõ tại phiên tòa là Q chỉ gặp A Lý tại quán cà phê để giao dịch mua ma túy, còn việc nhận ma túy thì thông qua N, khi Q đến và vào nhà A10/26T NCP, xã TK, huyện Z thì Q để gói ma túy kém chất lượng trị giá 10.000.000 đồng (mà N đã giao cho Q trước đó) trên cửa sổ phòng phía trước nhà, rồi gặp N và P ở nhà, khi Q nói chuyện với P một lúc (thời điểm này trong nhà chỉ có N và P, còn A Lý không có mặt ở nhà, việc A Lý vắng mặt đã được N và P xác nhận tại phiên tòa hôm nay), rồi Q quay trở ra về thì có người đã đổi sẵn bạch ma túy có giá trị khoảng 50.000.000 đồng trên cửa sổ phòng phía trước nhà, sau đó Q đem về chia ra thành 06 gói, đến ngày 23/11/2017 thì Q bị bắt quả tang khi đang trên đường đi bán ma túy. Từ đó khẳng định N là người đã bán cho Q khối lượng ma túy 166,6239 gam, loại MA, bằng cách để trên cửa sổ lúc Q nói chuyện với P, nên Cáo trạng truy tố N đối với khối lượng ma túy này là hoàn toàn chính xác.

Qua nội dung đối đáp, các luật sư và đại diện Viện kiểm sát đều giữ nguyên quan điểm đã trình bày và cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ra bản án đúng theo các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Lê Minh N, Lê Hồng Q và Nguyễn Thị Hồng P đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản thu giữ đồ vật, tài liệu; biên bản niêm phong; biên bản mở niêm phong và giao, nhận đối tượng giám định; kết luận giám định, lời khai và đối chất của các bị cáo cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định như sau: Vào khoảng 14 giờ, ngày 23/11/2017, Lê Hồng Q bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận M bắt quả tang, thu giữ 166,6239 gam, loại MA. Q khai mua ma túy của đối tượng tên A Lý và Lê Minh N tại nhà số nhà A10/26T NCP, xã TK, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh để bán. Qua khám xét nơi ở trên, Công an thu giữ của N 49,4773 gam, loại MA. Qua điều tra và diễn biến tại phiên tòa, có cơ sở để xác định Lê Minh N đã bán 166,6239 gam, loại MA cho Lê Hồng Q và đang chờ người đến bán 49,4773g, loại MA. Còn Nguyễn Thị Hồng P nhận gói ma túy có khối lượng 49,4773g, loại MA của một người phụ nữ, sau đó giao lại cho N nhưng chưa kịp bán thì bị bắt.

Như vậy Lê Hồng Q phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với khối lượng ma túy là 166,6239 gam, loại MA. Lê Minh N phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với khối lượng 216,1012 gam, loại MA và Nguyễn Thị Hồng P phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với khối lượng 49,4773 gam, loại MA.

Hành vi của Lê Minh N đã cấu thành vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, phạm tội thuộc trường hợp *“Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ một trăm gam đến dưới ba trăm gam”*, nên tội phạm và hình phạt đối với bị cáo N được quy định tại điểm e khoản 3 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Hành vi của Lê Hồng Q đã cấu thành vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, phạm tội thuộc trường hợp *“Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ một trăm gam đến dưới ba trăm gam”*, nên tội phạm và hình phạt đối với bị cáo Q được quy định tại điểm e khoản 3 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Hành vi của Nguyễn Thị Hồng P đã cấu thành vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, phạm tội thuộc trường hợp *“Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ hai mươi gam đến dưới một trăm gam”*, nên tội phạm và hình phạt đối với bị cáo P được quy định tại điểm m khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm nghiêm trọng đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy, các bị cáo nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố ý phạm tội. Hành vi của các bị cáo là một trong những nguyên nhân dẫn đến làm tăng tệ nạn nghiện ngập ma túy, tạo tiền đề phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác, do đó cần có mức hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng: Do số lượng ma túy và các lần mua bán mà các bị cáo thực hiện đã được cộng lại để định khung hình phạt, nên các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa hôm nay và tại cơ quan điều tra, các bị cáo đều khai báo thành khẩn và có thái độ ăn năn hối cải nên cùng được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Các bị cáo được xác định không có tiền án, tiền sự; riêng các bị cáo Lê Hồng Q và Nguyễn Thị Hồng P đều có con nhỏ nên được xem xét hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trên đây là các tình tiết để Hội đồng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà tích cực cải tạo.

Xét các bị cáo tuy được xác định không có tiền án, tiền sự, song hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Minh N và Lê Hồng Q là đặc biệt nghiêm trọng và hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Hồng P là rất nghiêm trọng. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù trong trại giam một thời gian dài theo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo đã gây ra để cho các bị cáo có đủ thời gian tự cải tạo, rèn luyện trở thành người công dân lương thiện, có ích cho xã hội, biết tôn trọng pháp luật, và cũng là để răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Do các bị cáo Lê Minh N và Lê Hồng Q có hành vi mua bán ma túy và đã thu lợi nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và buộc mỗi bị cáo phải nộp số tiền 10.000.000 đồng, để sung công quỹ nhà nước. Riêng bị cáo Nguyễn Thị Hồng P do chỉ giúp A Lý mua bán ma túy để A Lý trừ nợ và được A Lý cho ma túy để sử dụng nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo P.

[3] Đối với đối tượng tên “A Lý”, do các bị cáo khai không rõ nhân thân lai lịch của A Lý nên Cơ quan điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh

không có cơ sở để điều tra và xử lý. Ngày 11/7/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định tách vụ án hình sự số 758-13 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” đối với khối lượng 223,2765 gam loại MA và toàn bộ dụng cụ phân chia ma túy mà Công an thu giữ trong phòng thứ hai từ ngoài cửa đi vào tại nhà A10/26T NCP, xã TK, huyện Z. Sau đó, ra Quyết định Tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự số 758-11 ngày 23/7/2019 đối với vụ án; khi nào xác định được đối tượng phạm tội sẽ phục hồi, xử lý sau. Hội đồng xét xử nhận định quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra là phù hợp, đồng thời yêu cầu tiếp tục điều tra theo các quy định của pháp luật.

[4] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cũng như lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc truy tố Lê Minh N và Lê Hồng Q về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 3 Điều 194; truy tố Nguyễn Thị Hồng P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm m khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, cũng như mức hình phạt tù đã đề nghị là có cơ sở để chấp nhận, đồng thời chấp nhận một phần đề nghị về hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đối với quan điểm bào chữa của luật sư bào chữa cho bị cáo Q thì Hội đồng xét xử thấy cần thiết giảm nhẹ một phần hình phạt bổ sung cho bị cáo Q.

Lập luận trên đây cũng là cơ sở để Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm bào chữa của luật sư Việt bào chữa cho bị cáo N về việc N không bán khối lượng ma túy là 166,6239 gam, loại MA cho bị cáo Q và đề nghị xét xử bị cáo theo điểm m khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 và cho bị cáo N được hưởng mức án thấp trong khung hình phạt.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các luật sư bào chữa cho các bị cáo xuất trình tài liệu chứng cứ phù hợp với các quy định của pháp luật; các luật sư, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Các vấn đề khác:

6.1/ Về vật chứng của vụ án:

* Đối với vật chứng thu giữ của Lê Hồng Q:

- 02 gói ma túy còn lại sau giám định đã được niêm phong ghi số 30/2018 (gói 1, gói 2) có chữ ký của Giám định viên Lê Thị Hằng và Điều tra viên Đinh

Xuân Phùng; 01 túi xách màu đen, 02 vỏ bao thuốc là CRAVEN; 01 bình sử dụng ma túy: Xét đây là các vật chứng không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy;

- 01 điện thoại hiệu Iphone, 01 điện thoại hiệu BMW, 01 điện thoại hiệu Mobistar. Xét đây là các phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước;

- Xe ô tô hiệu Haima Biển số 15A-060.25. Kết quả điều tra, xe này do chị Nguyễn Diệu Anh (Sinh năm: 1992; HKTT: 126 Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng, Thành phố HP) đứng tên sở hữu, sau đó bán cho anh Hoàng Đình T. Tháng 9/2017 anh Toàn cho vợ chồng Q thuê để làm phương tiện đi lại. Ngày 23/11/2017, Lê Hồng Q cất giấu ma túy trong xe để bán thì bị Công an tạm giữ: Do anh Toàn không biết việc Q mượn xe đi mua bán ma túy nên cần trả lại cho anh Toàn theo đúng quy định pháp luật.

* Đối với vật chứng thu giữ của Lê Minh N:

- 01 gói ma túy còn lại sau giám định đã được niêm phong, ghi số 29/2018 có chữ ký của Giám định viên Lê Thị Hằng và Điều tra viên Đinh Xuân Phùng; 01 bình sử dụng ma túy: Xét đây là các vật chứng không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy;

- 01 điện thoại hiệu Mobistar, 01 điện thoại hiệu Philips. Xét đây là các phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước;

- Xe mô tô hiệu Airblade Biển số 59H1-186.53, qua xác minh do anh Nguyễn Văn T đứng tên chủ sở hữu và sử dụng. Ngày 12/11/2017, xe bị mất trộm, anh Tài đến Công an Phường Q, Quận C trình báo. Ngày 05/02/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận C khởi tố vụ án “Trộm cắp tài sản”. Lê Minh N khai A Lý giao cho N nhưng N không rõ nguồn gốc của xe này. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã bàn giao xe cho Công an Quận C xử lý theo thẩm quyền, xét việc chuyển giao vật chứng phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét đề cập đến.

- Xe mô tô biển số: 69S1-0632, kết quả giám định số khung, số máy bị mài đục sâu không xác định được số khung, số máy nguyên thủy. Kết quả xác minh biển số 69S1-0632 được biết do anh Trần Thanh Hải đứng tên sở hữu, năm 2012 anh Hải chết vì tai nạn giao thông. Hiện nay gia đình đã bán nhà đi đâu địa phương không rõ nên không tiến hành lấy được lời khai. N khai được A Lý giao xe làm phương tiện đi lại nhưng N không rõ nguồn gốc của xe. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã đăng báo để truy tìm chủ sở hữu hợp pháp theo quy định của pháp luật: Xét cần tiếp tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để xác định chủ sở hữu hợp pháp, nếu sau

12 tháng không xác định được chủ sở hữu thì tịch thu sung quỹ nhà nước theo diện tài sản vắng chủ.

* Đối với vật chứng thu giữ của Nguyễn Thị Hồng P: 02 điện thoại hiệu Mobistar, do P khai nhận dùng điện thoại để liên lạc giao ma túy giúp cho N nên xét đây là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

* Đối với vật chứng thu giữ thu giữ trong phòng thứ hai trong nhà (phòng của A Lý): 02 gói ma túy còn lại sau giám định đã được niêm phong ghi số 28/2018 (gói 1, gói 2) có chữ ký của Giám định viên Lê Thị Hằng và Điều tra viên Đinh Xuân Phùng; 02 cân điện tử, 01 máy ép túi nylon, 01 đầu thu camera hiệu VP TECH, 01 màn hình máy tính hiệu DELL; Khoảng 02 kg bịch nylon các loại và vỏ túi cà phê: Xét cần tiếp tục lưu giữ tại Kho vật chứng của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra vụ án theo thẩm quyền.

6.2/ *Về án phí*: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.3/ *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Xử:

1.1/ Căn cứ điểm e khoản 3 và khoản 5 Điều 194 của Bộ luật hình sự 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; căn cứ điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Lê Minh N** 17 (mười bảy) năm tù, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù được tính từ ngày 24/11/2017.

Buộc bị cáo Lê Minh N phải nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để sung quỹ nhà nước.

1.2/ Căn cứ điểm e khoản 3 và khoản 5 Điều 194 của Bộ luật hình sự 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; căn cứ điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Lê Hồng Q** 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù được tính từ ngày 23/11/2017.

Buộc bị cáo Lê Hồng Q phải nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để sung quỹ nhà nước.

1.3/ Căn cứ điểm m khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; căn cứ điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Hồng P** 07 (bảy) năm tù, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù được tính từ ngày 24/11/2017.

2/ Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; căn cứ khoản 1, 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

2.1/ Tịch thu tiêu hủy gồm: 02 gói ma túy còn lại sau giám định đã được niêm phong ghi số 30/2018 (gói 1, gói 2) có chữ kí của Giám định viên Lê Thị Hằng và Điều tra viên Đinh Xuân Phùng; 01 gói ma túy còn lại sau giám định đã được niêm phong, ghi số 29/2018 có chữ kí của Giám định viên Lê Thị Hằng và Điều tra viên Đinh Xuân Phùng; 01 túi xách màu đen; 02 vỏ bao thuốc là CRAVEN; 02 bình sử dụng ma túy;

2.2/ Tịch thu sung quỹ Nhà nước gồm: 01 điện thoại hiệu Iphone; 01 điện thoại hiệu BMW; 04 điện thoại hiệu Mobistar; 01 điện thoại hiệu Philips;

2.3/ Giao Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục đăng báo để xác định chủ sở hữu của 01 xe gắn máy biển số 69S1-0632, kết quả giám định số khung, số máy bị mài đục sâu không xác định được số khung, số máy nguyên thủy, nếu sau 12 tháng nếu không xác định được chủ sở hữu thì tịch thu sung quỹ nhà nước.

2.4/ Trả lại Hoàng Đình T xe ô tô hiệu Haima Biển số 15A-060.25, số khung LH16CHH02CH1130291, số máy HM483Q21000331V2, do chị Nguyễn Diệu Anh (trú tại: 126 Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng, thành phố HP) đứng tên sở hữu, theo các quy định của pháp luật.

2.5/ Tiếp tục lưu giữ tại Kho vật chứng của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra vụ án theo thẩm quyền đối với: 02 gói ma túy còn lại sau giám định đã được niêm phong ghi số 28/2018 (gói 1, gói 2) có chữ kí của Giám định viên Lê Thị Hằng và Điều tra viên Đinh Xuân Phùng; 02 cân điện tử, 01 máy ép túi nylon, 01 đầu thu camera hiệu VP TECH, 01 màn hình máy tính hiệu DELL; Khoảng 02 kg bịch nylon các loại và vỏ túi cà phê.

(Các vật chứng nêu trên được liệt kê theo Biên bản giao nhận tang tài vật số 388/18 ngày 17/8/2018 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

3/ Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và căn cứ Điều 22 và 23 Nghị quyết quyết định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, cùng danh mục án phí, lệ phí tòa án,

Các bị cáo Lê Minh N, Lê Hồng Q và Nguyễn Thị Hồng P mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4/ Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17 tháng 9 năm 2019) để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TPHCM; (1)
- VKSND TPHCM; (3)
- Cục THADS; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Trại giam (3)
- Bị cáo; (3)
- Người bào chữa (2)
- Người CQLNVLQ (4)
- THAHS; (1)
- P. PC 53 - CA TPHCM; (1)
- Sở Tư pháp (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (3)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (31) (6)

Đặng Hồng Sơn